

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

Số: 204 /TNB

V/v phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
6. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố) .
7. Nội dung của thông tin công bố: Thông báo về phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và tài liệu phiên họp.
8. Địa chỉ Website : <http://www.psw.vn/> đăng tải toàn bộ nội dung công bố.
Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P.TCKT, PKD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

Tài liệu đính kèm.

- Thông báo về phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và tài liệu phiên họp.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Tùng

Số: 44 /TB - TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 28 tháng 03 năm 2019

THÔNG BÁO

Về phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.

Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ, mã chứng khoán PSW, xin thông báo đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Quý Cổ đông của Công ty về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 như sau:

- Thời gian: Lúc 14h00' Thứ Năm, ngày 11 tháng 04 năm 2019.
- Địa điểm: Trụ sở PSW, Số 151/18 đường Trần Hoàng Na, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.
- Nội dung chương trình họp dự kiến:
 - Tờ trình thông qua điều chỉnh kế hoạch 2018; Báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2018 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018, kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2019;
 - Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2018, kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC 2019;
 - Báo cáo tài chính năm 2018, Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận 2018, KH phân phối lợi nhuận 2019;
 - Báo cáo lương thưởng, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS và BGĐ năm 2018 và kế hoạch năm 2019;
 - Tờ trình thông qua nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;
- Thành phần tham dự: Quý cổ đông có tên trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập chốt ngày đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2019. Công ty có gửi thư mời họp theo hình thức bảo đảm đến từng cổ đông theo thông tin từ danh sách cổ đông.
- Chương trình nghị sự cùng bản **Dự thảo tài liệu phiên họp**: Đã được đăng tải trên Website của PSW tại địa chỉ: www.psw.vn. (Tài liệu đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông).

- Thủ tục tham dự:
- Cổ đông là cá nhân: Vui lòng mang theo thư mời họp và CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Cổ đông là pháp nhân: Vui lòng mang theo thư mời họp và Giấy giới thiệu/Giấy ủy quyền có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.
- Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp: Người được ủy quyền đến dự họp xin vui lòng mang theo thư mời họp và CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền; Mẫu giấy ủy quyền như đính kèm thư mời họp hoặc có thể tải từ Website của PSW: www.psw.vn.

Công ty xin thông báo và chân thành cảm ơn sự hợp tác, ủng hộ của Quý vị cổ đông.

Nơi nhận:

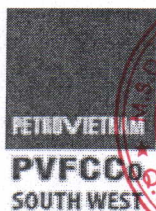
- Như Điều ;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, TCHC, PHN.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Phạm Quý Hiền



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ



TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Tp. Cần Thơ, tháng 04 năm 2019



PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019

Ngày 11/04/2019

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
14h00 - 14h15	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	15 phút
14h15 - 14h25	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
14h25 - 14h28	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
14h28 - 14h35	Thông báo nội quy phiên họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký phiên họp	7 phút
14h35 - 14h45	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ. Thông qua Chương trình nghị sự của phiên họp. Bầu Ban kiểm phiếu.	10 phút
14h45 - 15h10	Tờ trình thông qua điều chỉnh kế hoạch 2018; Báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2018 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019	25 phút
15h10- 15h20	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018, kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2019	10 phút
15h20 – 15h30	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2018, kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2019 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC 2019	10 phút
15h30 - 15h45	Giải lao	15 phút
15h45 - 15h55	Báo cáo tài chính năm 2018, Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận 2018, KH phân phối lợi nhuận 2019	10 phút
15h55 - 16h00	Báo cáo lương thưởng, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS và BGD năm 2018 và kế hoạch năm 2019	5 phút
16h00 - 16h10	Tờ trình thông qua nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035	10 phút
16h10 – 16h25	Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách bỏ phiếu, Cổ đông hoàn tất phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu	15 phút
16h25 - 16h40	Đại hội tiếp tục thảo luận	15 phút
16h40– 16h50	Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình	10 phút
16h50 - 17h00	Thông qua Biên bản, nghị quyết đại hội và bế mạc	10 phút

PHỤ LỤC

PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2019.....	2
Phần 1 – NỘI QUY PHIÊN HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	3
Phần 2A - TỜ TRÌNH THÔNG QUA ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018	6
Phần 2B - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019	7
Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Phần 4- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN	22
Phần 5 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018	26
Phần 6 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	33
Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019	36
Phần 8 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO HĐQT PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035	37

Phần 1 – NỘI QUY PHIÊN HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Bản Nội quy phiên họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành phiên họp.

I. TRẬT TỰ CỦA PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong phiên họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ rung, không đổ chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN PHIÊN HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức phiên họp, thủ tục khai mạc phiên họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**
Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.
5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo PSW báo cáo đại hội các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCĐ và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành tập trung sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại phiên họp cần điền nội dung câu hỏi vào phiếu ý kiến (do ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn Chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu phiên họp được PSW đăng tải trên website theo địa chỉ <http://www.psw.vn>. đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình đại hội và mang tính đại diện cho

nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung. Không trả lời trực tiếp và giải thích các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung phiên họp ĐHĐCĐ, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của PSW.
- Các câu hỏi không kịp trả lời trong phiên họp do thời gian có hạn cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên Website của PSW.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI PHIÊN HỌP

1. Nguyên tắc

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của phiên họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

2. Cách biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

3. Thời điểm biểu quyết

Ngay sau khi kết thúc các nội dung biểu quyết, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN

1. Điều khiển phiên họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của phiên họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến phiên họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại phiên họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại phiên họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại phiên họp.
3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy phiên họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 của PSW.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Quý Hiên

Phần 2A - TỜ TRÌNH THÔNG QUA ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 12/04/2018;

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, tổ chức ngày 12/04/2018. ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua các chỉ tiêu cơ bản về kế hoạch kinh doanh năm 2018. Tuy nhiên năm 2018, tình hình kinh tế nói chung gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón nói riêng cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ môi trường kinh tế xã hội, thị trường phân bón cạnh tranh gay gắt.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế cũng như cân nhắc lợi ích của PSW và cổ đông. Hội đồng quản trị PSW kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2018 điều chỉnh
I	Sản lượng kinh doanh	Tấn	320.000	295.000
1	Urê Phú Mỹ	Tấn	210.000	200.000
2	NPK Phú Mỹ	Tấn	25.000	8.724
3	Kali thương hiệu PM	Tấn	70.000	40.000
4	NPK thương hiệu PM	Tấn		6.276
5	DAP thương hiệu PM	Tấn		12.000
6	Các loại phân bón khác	Tấn	15.000	28.000

Các nội dung khác của kế hoạch kinh doanh năm 2018 của Công ty giữ nguyên theo Nghị quyết số 06/NQ-TNB ngày 23/03/2018 của HĐQT Công ty như đã công bố tại Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12/04/2018.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Quý Hiên

Phần 2B - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. Tổng quan về thị trường phân bón năm 2018

Nhìn chung bức tranh hoạt động của ngành sản xuất và kinh doanh phân bón trong nước năm 2018 có gam màu sáng hơn so với năm 2017 do thuế tự vệ dành cho DAP và MAP được chính thức áp dụng từ 7/3/2018, đã giúp các doanh nghiệp sản xuất trong nước cải thiện phần nào áp lực cạnh tranh của mặt hàng DAP trước đó.

Nghị định 108 được áp dụng có những thay đổi về: phạm vi điều chỉnh; công tác khảo nghiệm; điều kiện sản xuất; buôn bán phân bón; quản lý chất lượng phân bón; nhãn mác; v.v. đã cải thiện phần nào công tác quản lý trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón trong nước.

Trong năm 2018, nguồn cung Ure thế giới giảm trong khi nhu cầu tiêu thụ ở khu vực Châu Á tăng mạnh, đặc biệt tại Ấn Độ và Trung Quốc; giá nguyên liệu đầu vào như dầu mỏ, khí tăng là những yếu tố tác động đến giá phân bón thế giới. Tuy nhiên nguồn cung Ure trong nước vẫn khá dồi dào do các nhà máy phân bón trong nước sản xuất ổn định, bên cạnh nguồn cung nhập khẩu từ các nước Đông Âu, Đông Nam Á vẫn tiếp tục được duy trì, do đó áp lực cạnh tranh của mặt hàng Ure vẫn khá gay gắt.

Mùa lũ 2018 có những tác động không nhỏ đến mùa vụ, giá thành các loại nông sản liên tiếp thay nhau bị mất giá làm ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ phân bón.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018

1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018

1.1. Thuận lợi

- Nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao từ cổ Đông lớn.
- Sự quyết tâm của toàn thể lãnh đạo Công ty và CBCNV Công ty. Công tác kinh doanh ngày càng đổi mới, linh hoạt nhằm đáp ứng môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt đã phát huy tốt hiệu quả, cụ thể: (i) Đa dạng hóa bộ sản phẩm phân bón từ vô cơ đến hữu cơ, vi sinh; (ii) Áp dụng nhiều hình thức marketing mới, hấp dẫn; (iii) Xây dựng chính sách bán hàng đa dạng, linh hoạt và ngày càng hoàn thiện; (iv) Dịch vụ sau bán hàng, chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, nâng cao chất lượng
- Vẫn tiếp tục nhận được sự hợp tác tốt từ các Đại lý trong hệ thống tiêu thụ.

1.2. Khó khăn

- Nguồn cung các loại phân bón đặc biệt là Ure trên thị trường dồi dào do các nhà máy sản xuất trong nước ổn định, bên cạnh nguồn cung nhập khẩu từ các nước Đông Âu, Đông Nam Á như Nga, Indonesia, Malaysia, v.v. vẫn tiếp tục được duy trì; thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự gia nhập ngành của các đơn vị mạnh; thị trường phân bón thế giới, trong nước diễn biến nhanh, phức tạp và nhiều rủi ro.
- Xu thế tích tụ ruộng đất, sử dụng máy bón phân tiếp tục tạo lợi thế cho đạm hạt đục; lượng hàng tồn kho từ năm 2017 tại các Đại lý chuyển sang khá nhiều đã ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ phân bón của PSW trong những tháng đầu năm 2018.

- Trong những tháng đầu năm, do ảnh hưởng chung của giá Ure thế giới giảm, giá Ure Phú Mỹ bán ra khá thấp, nên PSW và các đại lý kinh doanh lợi nhuận rất thấp, có thời điểm các Đại lý chủ động giảm giá để cạnh tranh với hàng nhập khẩu giá rẻ, kinh doanh hòa vốn để đẩy nhanh tiêu thụ hàng tồn kho.
- Đối với sản phẩm NPK Phú Mỹ, trong năm 2018, PSW đã tập trung nguồn lực chủ yếu để xây dựng chính sách bán hàng cho sản phẩm NPK PM nhằm làm thị trường và phát triển thị phần tại các khu vực có diện tích ruộng lúa lớn và một số tỉnh có diện tích cây ăn trái lớn như Tiền Giang, Bến Tre và Vĩnh Long. Tuy nhiên, do thị trường cạnh tranh gay gắt về giá và một số khu vực vẫn chịu sự tác động của các sản phẩm NPK giá rẻ, đặc biệt là NPK trộn ba hạt, nên việc thâm nhập vẫn còn nhiều khó khăn.
- Ngoài ra, tiến độ sản xuất NPK PM của nhà máy chậm hơn kế hoạch dự kiến, nên thiếu hụt một số dòng công thức theo nhu cầu của khu vực. Kali PM thiếu hụt nguồn cung tại một số thời điểm.
- Diễn biến thời tiết bất thường, diện tích gieo sạ vụ lúa Thu Đông 2018 tại ĐBSCL bằng 89,1% cùng kỳ năm trước do lịch xuống giống vụ hè thu năm nay muộn và kéo dài hơn năm trước đồng thời do ảnh hưởng của mưa bão nên lũ về sớm, lên nhanh làm nhiều diện tích không thể gieo sạ (nguồn: Tổng cục thống kê).
- Giá cả nông sản thấp so với mặt bằng chung khu vực và thường xuyên biến động mạnh do giảm giá;

1.3. **Đánh giá chung về kết quả SXKD**

Mặc dù có rất nhiều yếu tố khó khăn khách quan nêu trên, Ban giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, tập trung mọi nguồn lực, linh hoạt trong kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Hoạt động kinh doanh năm 2018 đạt kết quả như sau:

- Tổng sản lượng tiêu thụ: 299.089 tấn, đạt 101,39% kế hoạch năm 2018, tăng 0,22% so với thực hiện năm 2017.
 - Tổng doanh thu: Tổng doanh thu thuần thực hiện khoảng 2.296,66 tỷ đồng, đạt 104,02% kế hoạch, tăng 12,24% so với thực hiện năm 2017.
 - Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 13,76 tỷ đồng, đạt 104,22% kế hoạch năm 2018, tăng 10,39% so với thực hiện năm 2017.
- ⇒ Nhìn chung, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2018 hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch điều chỉnh năm 2018.

1.4. **Thuyết minh, phân tích cụ thể kết quả SXKD**

- Doanh thu thực hiện:
Nhìn chung, bình quân giá mua và giá bán thực tế năm 2018 cao hơn giá kế hoạch từ 5%-15% và cao hơn giá bình quân năm 2017 tùy từng mặt hàng. Vì vậy, tổng doanh thu thực hiện năm 2018 hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2018 khoảng 4%.
- Lợi nhuận trước thuế:
Tuy doanh thu kinh doanh phân bón thực hiện trong năm 2018 cao hơn kế hoạch khoảng 4% nhưng giá vốn cũng tăng tương ứng. Do đó, LNTT năm 2018 vượt kế hoạch chỉ khoảng 4%.

Chi tiết tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 được thể hiện qua bảng sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2018 điều chỉnh được duyệt	Thực hiện cả năm 2018	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
I	Sản lượng kinh doanh	Tấn	295.000	299.089,05	101,39%
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	200.000	204.086,70	102,04%
2	NPK PM	Tấn	15.000	16.724,64	111,50%
3	Kali PM	Tấn	40.000	40.764,20	101,91%
4	DAP PM	Tấn	12.000	12.316,90	102,64%
5	Phân bón khác	Tấn	28.000	25.196,61	89,99%
II	Tổng doanh thu (thuần)	Tỷ VNĐ	2.207,88	2.296,66	104,02%
III	Tổng chi phí	Tỷ VNĐ	2.194,68	2.282,91	104,02%
1	Giá vốn	Tỷ VNĐ	2.140,64	2.232,17	104,28%
2	Chi phí QL BH	Tỷ VNĐ	54,04	50,74	93,89%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	13,20	13,76	104,22%
1	- Ure Phú Mỹ	Tỷ VNĐ	0,04	(0,62)	-1751,25%
2	- Tự doanh	Tỷ VNĐ	5,06	6,52	128,90%
3	- Dịch vụ và khác	Tỷ VNĐ	2,37	2,57	108,69%
4	- HĐ tài chính	Tỷ VNĐ	5,01	4,72	94,39%
	- Thu nhập khác	Tỷ VNĐ	0,73	0,56	76,68%
IV	Các khoản nộp NSNN	Tỷ VNĐ	5,06	5,67	111,86%
1	Trong đó: Thuế TNDN	Tỷ VNĐ	2,64	2,77	104,79%
2	Thuế VAT và thuế khác	Tỷ VNĐ	2,43	2,9	119,34%
V	Các chỉ tiêu đầu tư				
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ VNĐ	3,44	2,29	66,65%
	Trong đó: - Đầu tư XD CB	Tỷ VNĐ	1,50	1,49	99,23%
	- MSTs, TTB	Tỷ VNĐ	1,94	0,80	41,44%
2	Giá trị giải ngân	Tỷ VNĐ	3,44	2,29	66,65%
VI	Tiết kiệm chống lãng phí	Tỷ đồng	1,29	1,61	124,50%
VII	Các chỉ tiêu khác				
1	Lao động và thu nhập				
	- Số lao động cuối kỳ	Người	69	65	94,20%
	- Năng suất lao động (tính theo DT)	Trđ/ng/tháng	2.453,20	2.773,74	113,07%
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	164	237,00	144,51%
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,15	0,21	142,81%

2. Kết quả thực hiện các công tác khác

2.1 Công tác quản trị

- Thực hiện theo Hệ thống quản trị của PSW đã được thiết lập và cải tiến đảm bảo công tác quản trị ngày càng tốt hơn.
- Trong năm 2018 đã ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trách nhiệm và quyền hạn của tập thể Ban giám đốc, cũng như cá nhân người đứng đầu - đã được quy định rất cụ thể trong Điều lệ Công ty, phân công nhiệm vụ và các văn bản quy định nội bộ khác của Công ty PSW. Đối với trách nhiệm phối hợp trong công tác với HĐQT,

Chi ủy, BKS đã được cụ thể hóa thông qua các văn bản nội bộ, Điều lệ cũng như các quy định của pháp luật.

- Đối với hoạt động trong Ban giám đốc đã thực hiện đúng nguyên tắc Thủ trưởng. Tập thể Ban giám đốc là một tập thể đoàn kết, năng động, làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao. Ban giám đốc đã phân công công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên trong Ban giám đốc, đã giúp việc điều hành Công ty hiệu quả hơn, phát huy hết khả năng nội tại của từng thành viên.
- Ban giám đốc đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2018.
- Ban giám đốc luôn tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động của Công ty.
- Ban giám đốc đã chủ động xây dựng mới cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, công cụ quản lý theo chuẩn mực; thực hiện công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nhóm làm việc để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Kết quả ban đầu là tích cực, khả quan, tuy nhiên cần triển khai đồng bộ, có hệ thống và duy trì liên tục.
- Ban giám đốc đã chỉ đạo các Phòng chức năng/Đơn vị trực thuộc hoàn thiện ban hành các quy chế, quy trình, quy định sau tái cấu trúc phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh. Ngày càng hoàn thiện hệ thống Quy trình, Quy chế, Quy định đảm bảo hành lang pháp lý và đảm bảo cho xử lý công việc ngày càng hiệu quả, đáp ứng môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh khốc liệt. PSW đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định cơ bản phù hợp và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức phục vụ kinh doanh.
- Ban giám đốc đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.
- Ban giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, tập trung mọi nguồn lực, linh hoạt trong kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

2.2 Công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo

- Công tác tổ chức được rà soát chặt chẽ, các phòng ban chức năng được tổ chức cơ cấu lại vừa tinh gọn vừa hiệu quả, nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt.
- Nhiệm vụ các phòng chuyên môn được hoàn thiện và bổ sung để đáp ứng phù hợp với yêu cầu đổi mới của Công ty. Công ty đã chuẩn hóa và cụ thể từng vị trí công tác thông qua các bảng mô tả chức danh, mô tả công việc sau tái cấu trúc. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống Quy trình, Quy chế, Quy định phù hợp sau tái cơ cấu các phòng chức năng, đảm bảo hành lang pháp lý cho xử lý công việc.
- Công tác nhân sự được thực hiện theo đúng kế hoạch định biên lao động được phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát, bố trí, điều chuyển nhân sự tại các đơn vị trực thuộc, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, với nhu cầu phát triển của tổ chức.
- Nhằm khuyến khích CBNV làm tốt nhiệm vụ công việc được giao và nhận được thù lao tương xứng với đóng góp của mình, Công ty đã triển khai đánh giá năng lực CBCNV theo khung năng lực và từ điển năng lực; Áp dụng đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hệ thống KPIs; Áp dụng chính sách tiền lương 3P.
- Công tác đào tạo năm 2018 bám sát yêu cầu công việc, phù hợp với điều kiện của cá nhân, đề xuất đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nhóm làm việc để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Kết quả ban đầu là tích

cực, khả quan. Triển khai đào tạo trong năm khoảng 29 khóa cho 237 lượt người với kinh phí khoảng 214 triệu đồng, đạt 144,51% kế hoạch lượt đào tạo và 142,81% kế hoạch kinh phí đào tạo năm 2018. Trong đó, triển khai 14 khóa đào tạo nội bộ cho 79 lượt người.

2.3 Công tác phát triển hệ thống phân phối

- Trong năm 2018, PSW đã rà soát, lựa chọn hệ thống đại lý/cửa hàng và phân loại theo hướng chất lượng, không xung đột lợi ích để tập trung các chính sách chăm sóc khách hàng; Triển khai chính sách bán hàng năm 2018 đến các Đại lý cấp 1. HTPP hiện tại bao gồm 16 đại lý cấp 1, gần 20 nông trường, cửa hàng hộ tiêu thụ trực tiếp mua hàng của Công ty và hơn 2.000 cửa hàng thông qua hệ thống đại lý cấp 1 tham gia tiêu thụ các sản phẩm phân bón Phú Mỹ, trong đó có khoảng 400 cửa hàng tham gia hệ thống phân phối NPK Phú Mỹ (do đối với NPK Phú Mỹ Công ty thực hiện chính sách phân vùng đại lý/cửa hàng để hạn chế bán chồng chéo, phá giá dẫn đến cửa hàng không có lợi nhuận và chuyển sang bán các sản phẩm NPK khác).
- Công tác kinh doanh ngày càng đổi mới, linh hoạt nhằm đáp ứng môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt, cụ thể: (i) Đa dạng hóa bộ sản phẩm phân bón từ vô cơ đến hữu cơ, vi sinh; (ii) Áp dụng nhiều hình thức marketing mới, hấp dẫn; (iii) Xây dựng chính sách bán hàng đa dạng, linh hoạt và ngày càng hoàn thiện; (iv) Dịch vụ sau bán hàng, chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, nâng cao chất lượng.
- Thực hiện tốt vai trò cánh tay nối dài của TCT tại thị trường Miền Tây Nam Bộ, cung cấp cho thị trường và bà con nông dân những sản phẩm phân bón chất lượng và giá cả hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập của bà con nông dân tại Tây Nam Bộ.

2.4 Công tác Tiếp thị Truyền thông và hậu mãi

Các hoạt động TTTT để hỗ trợ bán hàng trong năm 2018 như sau:

- Tổ chức 95 cuộc Hội thảo nông dân; 105 cuộc Họp nhóm nông dân; 14 cuộc tọa đàm nông dân tại vùng cây ăn trái và vùng có diện tích lúa lớn; Thực hiện 7 mô hình trình diễn.
- Tặng 20 tấn phân bón cho nông dân sử dụng thử.
- Tổ chức các cuộc hội nghị, họp mặt chăm sóc khách hàng bằng hình thức du lịch (Nga, Thổ Nhĩ Kỳ).
- Thực hiện chương trình quảng cáo trên Đài phát thanh của 42 huyện thuộc các tỉnh ĐDSCL với 600 lần phát sóng.
- Phối hợp với Đài Phát thanh Truyền hình Kiên Giang triển khai 5 buổi tọa đàm truyền hình “sản xuất lúa an toàn”.
- Tổ chức chương trình tham quan nhà máy Đạm Phú Mỹ và nhà máy NPK PM cho 450 người là các Cửa hàng Cấp 2, nông dân giỏi và đại diện các cơ quan ban ngành nông nghiệp.
- Phối hợp tổ chức mô hình truyền thông giảm giống tại huyện Vũng Liêm, Vĩnh Long; tài trợ trong các diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, Hội nông dân.
- Truyền thông quảng bá thương hiệu trên các báo: Báo Năng lượng, báo Nông nghiệp.

- Công ty đã xây dựng nhiều chương trình quà tặng khuyến mãi riêng cho từng sản phẩm là các vật dụng thiết yếu hoặc dụng cụ hỗ trợ nông dân trong canh tác (nước rửa chén, thau rải phân, nón bảo hiểm, áo thun, bình đá...).
- Công ty đã xây dựng các chính sách khuyến mãi hướng đến hệ thống Cửa hàng để gia tăng sự gắn kết giữa Công ty và Cửa hàng.
- Công ty đã phối hợp các chuyên gia uy tín trong lĩnh vực nông nghiệp xây dựng các chuyên đề khuyến cáo bà con nông dân sử dụng sản phẩm Phân bón Phú Mỹ trong canh tác.
- Thực hiện chăm sóc khách hàng như: Tặng hoa, quà... trong ngày sinh nhật của khách hàng, QTPN 8/3, ngày lễ Tết, khai trương...

2.5 Hoạt động khai thác dịch vụ kho cảng

- Trong năm 2018, PSW không ngừng tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ Kho cảng từ nhiều kênh khác nhau. Nhờ vậy, sản lượng khai thác hàng dịch vụ qua kho cả năm 2018 đạt gần 37.240 tấn hoàn thành vượt mức kế hoạch, chủ yếu là kho Tiền Giang và An Giang, với doanh thu khai thác đạt hơn 2,3 tỷ, đã góp phần gia tăng hiệu quả sử dụng các kho đang quản lý.

2.6 Công tác tài chính

- Trong năm 2018, Công ty đã ban hành các hạn mức công nợ, hạn mức hàng tồn kho, hàng gửi kho; Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền; Quy chế công tác phí, định mức trang thiết bị, CCDC, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác để tăng cường quản trị rủi ro và quản trị chi phí.
- Trong năm 2018, Công ty chủ động sắp xếp nguồn vốn phục vụ công tác kinh doanh hợp lý và khai thác tối ưu.

2.7 Công tác kế hoạch

- Ban giám đốc luôn bám sát nhiệm vụ được HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, Công ty ước thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2018. Trong đó, đã chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch, triển khai nhiều giải pháp mới, sáng tạo trong hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh, đồng thời nâng cao quản lý chi phí hiệu quả giúp tiết giảm chi phí giá vốn, chi phí quản lý bán hàng, góp phần quan trọng cho việc đảm bảo kết quả lợi nhuận theo kế hoạch trong bối cảnh thị trường phân bón cạnh tranh khốc liệt.
- Ban giám đốc luôn bám sát KH được HĐQT giao 2018 để đôn đốc, kiểm tra các Phòng chức năng trong quá trình thực hiện, kịp thời đưa ra các giải pháp xử lý hiệu quả và tối ưu.

2.8 Công tác đầu tư, mua sắm và nghiên cứu phát triển

- Ban giám đốc đã chủ động tìm kiếm nhiều cơ hội đầu tư; phối hợp với nhiều đối tác nghiên cứu cơ hội đầu tư; lập báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư; trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; tuy nhiên kết quả thực tế chưa triển khai được dự án nào trong năm 2018.
- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Công ty vẫn tiếp tục phối hợp với Tổng công ty triển khai kinh doanh thử nghiệm các sản phẩm mới do TCT nghiên cứu sản xuất và hợp tác kinh doanh thử nghiệm các sản phẩm phân bón hữu cơ vi sinh của Cisbay như AGN, Diamond grow humic, v.v. Ngoài ra, Công ty triển khai thử nghiệm

180
CÔ
CÔ
HÂN B
CHẤT
TÂY
KIỂU

9 mẫu thực nghiệm ủ nước thải bùn nuôi tôm với vỏ trấu, phân gà và chế phẩm vi sinh AZ 70 của công ty Nhật Hanagokoro.

- Đầu tư mua sắm: Trong năm, Công ty triển khai các gói mua sắm phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh với tổng giá trị khoảng 800 triệu đồng/ kế hoạch 1.939 triệu đồng, đạt 41,1% kế hoạch PSW chỉ thực hiện mua mới các TTB làm việc khi bị hư hỏng nặng hoặc đáp ứng nhu cầu phát sinh cấp thiết cho công việc. Đối với các TTB đã hết khấu hao mà vẫn còn sử dụng được, PSW không triển khai mua mới.
- Đầu tư sửa chữa: PSW đã hoàn thiện và nghiệm thu công tác sửa chữa trụ sở làm việc tại 151/18 Trần Hoàng Na với tổng kinh phí thực hiện 1,49 tỷ đồng, đạt 99,2% kế hoạch.

2.9 Thực hành tiết kiệm chống lãng phí

- Quán triệt Nghị quyết số 70/NQ-PBHC về chương trình hành động tiết kiệm chống lãng phí của TCT, Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ thị đến tất cả phòng/đơn vị trong Công ty thực hiện nghiêm túc chương trình tiết kiệm chống lãng phí năm 2018 nhằm tiết giảm chi phí giúp gia tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Đẩy mạnh công tác rà soát chi phí, tập trung nguồn lực kinh doanh sản phẩm phân bón Phú Mỹ hiệu quả cao nhất. Kết quả trong năm 2018, Công ty thực hiện tiết kiệm khoảng 1,61 tỷ đồng, đạt 124,50% kế hoạch.

2.10 Hoạt động nổi bật của các tổ chức đoàn thể trong năm 2018

- Triển khai các chương trình chào mừng các ngày kỷ niệm thường niên như: 8/3; 1/6; 20/10.
- Tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
- Tổ chức thành công chương trình Team building kỷ niệm 10 năm thành lập PSW nhằm đánh dấu một chặng đường xây dựng và phát triển, gắn kết tinh thần đoàn kết của tập thể CBNV PSW.
- Hướng ứng và tham gia nhiệt tình các chương trình do TCT phát động như: thể thao, văn nghệ, cuộc thi Bí thư Đoàn giỏi, PVFCCo Run gây quỹ vì phụ nữ nghèo, v.v.

3. Đánh giá những tồn tại trong năm 2018

- Kết quả hoạt động SXKD ngày càng khó khăn, **do:** (i) thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự gia nhập ngành của các đơn vị mạnh; (ii) diễn biến thời tiết bất thường; (iii) giá cả nông sản thấp so với mặt bằng chung khu vực và biến động mạnh; (iv) thị trường phân bón thế giới, trong nước diễn biến nhanh, nhiều rủi ro.
- Trình độ, năng lực của một số cán bộ, nhân viên còn hạn chế so với chuẩn năng lực; một số CBCNV thiếu năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và chưa thích nghi được với những thay đổi trong công tác quản lý, điều hành để phù hợp hơn với những đòi hỏi của thị trường trong giai đoạn hiện nay, **do:** (i) Một số cán bộ nhân viên chưa chủ động trang bị, cập nhật cho mình những kiến thức, kỹ năng cần thiết để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của công việc thực tế; (ii) chất lượng nguồn nhân lực nội bộ không đồng đều; (iii) thiếu nhân sự tiềm năng cho các vị trí quản lý cấp trung.
- Việc triển khai chiến lược phát triển của Công ty, đặc biệt là mảng đầu tư phát triển chưa đạt kết quả đề ra, **do:** (i) hoạt động đầu tư, phát triển trong giai đoạn vừa qua được xét duyệt thận trọng, và phải đảm bảo được yêu cầu bắt buộc về an toàn, hiệu quả; (ii) sự cạnh tranh lớn trong ngành dẫn đến cơ hội cho các dự án mới gia nhập ngành gặp khó khăn về tính hiệu quả, rủi ro cao; (iii) thủ tục triển khai dự án đối với công ty có vốn nhà nước rất phức tạp, mất nhiều thời gian, bỏ lỡ cơ hội; (iv) việc cấp

phép cho các dự án sản xuất phân bón, đặc biệt là phân bón hữu cơ (gây ô nhiễm về mùi, nước thải, ...) không được các địa phương khuyến khích.

PHẦN II

TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

1. Nhiệm vụ

- Tổ chức hoạt động kinh doanh năm 2019 đạt mục tiêu: An toàn, Hiệu quả và Tiết kiệm.
- Đảm bảo giữ vững thị phần ure và phát triển mạnh thị phần NPK Phú Mỹ tại khu vực.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm phân bón Phú Mỹ khác và xây dựng phân bón Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường.
- Phát triển gói sản phẩm phân bón chất lượng cao của Công ty cho khách hàng khu vực có hiệu quả, đảm bảo tốt nhất lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động.
- Tiếp tục tìm hiểu những công thức NPK phù hợp với đặc thù mùa vụ cây trồng tại khu vực, đề xuất Tổng Công ty cung ứng nhằm đa dạng các dòng sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, đảm bảo bền vững cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong đó cần tập trung vào các yếu tố chính như: đội ngũ cán bộ kinh doanh; sản phẩm dịch vụ; đại lý cửa hàng; và quản lý hệ thống.
- Quản lý công tác đầu tư, mua sắm đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tổng công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hoá quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tham gia tích cực công tác nghiên cứu phát triển và kinh doanh sản phẩm mới do TCT sản xuất.
- Chủ động phối hợp với Ban NCPT đề xuất nghiên cứu các sản phẩm phù hợp nhu cầu và định hướng thị trường.
- Phát huy lợi thế về hệ thống kho bãi và quan hệ với các đối tác/khách hàng, tổ chức khai thác thêm hàng bên ngoài nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các kho do Công ty quản lý.
- Công tác tái cấu trúc: rà soát chức năng, nhiệm vụ, quy chế, quy trình, quy định để kịp thời điều chỉnh nhằm tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các phòng chức năng, tối ưu hóa năng lực tham mưu và nâng cao năng lực cạnh tranh đơn vị.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBCNV để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo tại chỗ, đào tạo nội bộ.
- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý và kiểm soát chi phí ở tất cả các công đoạn của quá trình kinh doanh, phấn đấu tiết giảm chi phí quản lý và bán hàng.
- Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng công ty giao.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2019

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
I	SẢN LƯỢNG KINH DOANH	Tấn	305.000
1	Sản phẩm do TCT sản xuất	Tấn	230.000
1.1	Ure PM	Tấn	200.000
1.2	NPK PM	Tấn	30.000
2	Sản phẩm do TCT nhập khẩu	Tấn	75.000
2.1	Kali	Tấn	55.000
2.2	DAP	Tấn	20.000
II	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	2.357,57
III	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	2.343,51
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,06

3. Giải pháp thực hiện

- Trước sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt trong lĩnh vực kinh doanh phân bón cũng như phân tích những mối nguy có khả năng đe dọa làm giảm thị phần phân bón Phú Mỹ tại khu vực ĐBSCL, cùng với những tác động bất lợi của khí hậu, thủy văn tại khu vực được dự báo trong năm 2019, Ban giám đốc sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các giải pháp nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý, điều hành. Đẩy mạnh công tác rà soát chi phí, tập trung nguồn lực kinh doanh sản phẩm phân bón Phú Mỹ hiệu quả cao nhất, nhất là trong tình hình cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.
- Duy trì có hiệu quả cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, công cụ quản lý; nâng cao hiệu quả công tác tự đào tạo, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, đào tạo cán bộ, đội ngũ lao động trực tiếp nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tế.
- Bám sát chiến lược phát triển được phê duyệt để tổ chức thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ. Với mảng đầu tư phát triển, cần chia nhỏ các mục tiêu, dự án thành các giai đoạn để triển khai thực hiện. Tập trung mọi nguồn lực để triển khai hiệu quả chiến lược đã đề ra. Công ty Tây Nam Bộ đề ra một số giải pháp cơ bản để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

2.1 Công tác kinh doanh

- Sản phẩm và Nguồn hàng.

- Xác định nguồn hàng chủ yếu là các sản phẩm do Tổng Công ty sản xuất và nhập khẩu: Ure Phú Mỹ, NPK Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, một số sản phẩm đặc thù khác. Bên cạnh đó, Công ty sẽ chủ động và phối hợp với Ban KD tìm kiếm các nguồn hàng khác không cạnh tranh với sản phẩm của Tổng Công ty để đáp ứng nhu cầu thị trường, gia tăng doanh thu lợi nhuận như DAP, kali (khi Tcty không có hàng, một số công thức NPK mà Nhà máy chưa sản xuất...).
- Đối với NPK Phú Mỹ:

- Rà soát, lựa chọn lại dòng công thức phù hợp với khu vực: giá hợp lý, ít cạnh tranh, phù hợp với thói quen sử dụng của nông dân. Ví dụ như công thức 20-20-15, 27-6-6.
 - Tiếp tục theo dõi chặt chẽ chất lượng sản phẩm đến đại lý/cửa hàng/nông dân để kịp thời phản ánh với Tổng Công ty để tiếp tục cải tiến chất lượng sản phẩm, bao bì, mẫu mã...
 - Tiếp tục kiến nghị Tổng Công ty đa dạng mẫu mã bao bì cho từng vùng thị trường, theo từng nhóm nhà phân phối.
 - Xây dựng một số công thức độc quyền cho một (một nhóm nhà phân phối) với sản lượng đủ lớn.
- **Xây dựng và Quản lý hệ thống phân phối**
- + Tiếp tục duy trì hệ thống đại lý tiêu thụ với mục đích đẩy các sản phẩm phân bón Phú Mỹ đến từng địa bàn bên dưới càng nhiều càng tốt, nhờ mối quan hệ mua bán lâu năm của các đại lý với một lượng không nhỏ các cửa hàng “ruột”.
 - + Rà soát, tăng cường chất lượng hệ thống cửa hàng cấp 2 hoặc mở mới với số lượng hợp lý tại các khu vực còn trống.
 - + Kiên trì mục tiêu phân vùng phân phối đối với sản phẩm NPK PM và DAP PM để đảm bảo lợi nhuận ổn định của hệ thống phân phối.
 - + Tiếp tục triển khai kênh bán trực tiếp vào các nông trường, hợp tác xã và các cửa hàng lớn tại các vùng không có đại lý hoặc đại lý chưa phân phối.
- **Chính sách giá bán hàng**
- + **Ure Phú Mỹ:** tiếp tục hướng các đại lý tập trung bán hàng gửi tại kho nhà để từng bước tiến đến phân chia khu vực phân phối với việc hỗ trợ chi phí bốc xếp, lưu kho và vận chuyển tại 1 số thời điểm. Đồng thời giúp đại lý tiêu thụ cùng bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ thuận lợi hơn tại địa bàn quản lý.
 - + **Kali Phú Mỹ:** tiếp tục phối hợp với các đại lý có nhu cầu đồ nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất NPK để xây dựng mức giá bán hàng xá cạnh tranh và thời gian nhận hàng phù hợp với lịch tàu của Tổng Công ty.
 - + **NPK Phú Mỹ và DAP Phú Mỹ:** tiếp tục giao độc quyền công thức và khu vực phân phối nhằm đảm bảo lợi nhuận hệ thống đại lý, cửa hàng.
 - + Tiếp tục thực hiện, đánh giá và có chính sách dựa theo quá trình tính điểm tích lũy tiêu thụ dành cho đại lý và cửa hàng đối với các sản phẩm, đảm bảo việc ghi nhận và tặng thưởng công bằng đối với việc đóng góp của khách hàng vào doanh số tiêu thụ của Công ty.
 - + Đề xuất và định vị giá bán các sản phẩm phù hợp với giá thị trường.
 - + Thực hiện mức giá bán thống nhất cho các đại lý đối với các sản phẩm nhưng xây dựng mức **chiết khấu (trả sau)** với các tiêu chí:
 - Theo sản lượng tiêu thụ.
 - Tinh thần hợp tác trong những giai đoạn khó khăn, đặc biệt ưu tiên cho các đại lý chỉ phân phối sản phẩm phân bón Phú Mỹ mà không phân phối các sản phẩm tương tự của đối thủ cạnh tranh.
 - + Xây dựng và định hướng giá bán các sản phẩm phân bón Phú Mỹ của các đại lý đảm bảo phù hợp với thị trường và hạn chế xung đột trong hệ thống:
 - Ure Phú Mỹ và Kali Phú Mỹ: giá tối thiểu tại các kho trung chuyển/đại lý.
 - NPK Phú Mỹ và DAP Phú Mỹ: giá tối thiểu giao đến cửa hàng.

- **Tiếp thị Truyền thông và hậu mãi**
- + Phối hợp chặt chẽ với Ban Tiếp thị triển khai các chương trình hướng đến đối tượng nông dân nhằm truyền thông về qui mô sản xuất và chất lượng sản phẩm của TCT như:
 - Xây dựng các chương trình khuyến mãi với những phần quà thiết thực hoặc thấy ngay khi mua sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
 - Tặng sản phẩm NPK Phú Mỹ do nhà máy sản xuất cho bà con dùng thử tại các khu vực sản xuất lớn về lúa và cây ăn trái.
 - Thực hiện các chương trình tọa đàm với các diễn giả uy tín hay hội thảo, họp nhóm để tuyên truyền về chất lượng sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
 - Quảng bá về bộ sản phẩm Phân bón Phú Mỹ trên các phương tiện: đài truyền hình địa phương, truyền thanh, bảng tuyên truyền tại các tuyến đường chính hay trên phương tiện vận chuyển của khách hàng.
- + Tiếp tục cải tiến các hình thức và nội dung hội thảo, tư vấn bán hàng thu hút đúng khách hàng mục tiêu.
- Logistic:
 - Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ: Làm thủ tục, giao hàng nhanh, bao bì sạch, sắp xếp hàng hóa gọn gàng, sẵn sàng giao hàng ngoài giờ, thứ 7, chủ nhật khi vào vụ.
 - Tăng cường gửi hàng tại các kho của khách hàng nhằm đáp ứng kịp thời khi khách hàng có nhu cầu, giảm chi phí vận chuyển cho khách hàng.
 - Sẵn sàng phương tiện vận chuyển hàng đến kho đại lý/cửa hàng/hộ tiêu thụ khi khách hàng có nhu cầu.
- 2.2 Công tác đầu tư nghiên cứu phát triển**
 - Tham gia tích cực công tác phát triển sản phẩm mới. Dựa trên thông tin thị trường, nắm bắt thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, đối thủ tại khu vực. Chủ động đăng ký đề tài nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, phối hợp chặt chẽ với Ban NCPT PVFCCo thông tin ý tưởng, đề xuất nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và định hướng thị trường nhằm đáp ứng kỳ vọng gia tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
 - Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đa dạng công thức, sản phẩm mới phục vụ kinh doanh có hiệu quả.
 - Đầu tư, nghiên cứu ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản trị, quản lý hệ thống, bán hàng, logistic, v.v.
 - Chia nhỏ mục tiêu, dự án thành các giai đoạn để nghiên cứu triển khai.
- 2.3 Đầu tư xây dựng, mua sắm**
 Chỉ thực hiện khi có nhu cầu cần thiết và thực hiện đúng theo quy chế, quy định về đấu thầu nhằm tăng tính cạnh tranh và tiết kiệm chi phí cho Công ty.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Khiêm

Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Đánh giá tình hình hoạt động của PSW trong năm 2018.

Năm 2018 là năm thứ tám PSW hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là một năm với nhiều khó khăn và thách thức khi tình hình cạnh tranh phân bón ngày càng gay gắt, cung vượt cầu, diễn biến giá phân bón trên thị trường biến động liên tục đã ảnh hưởng đến lợi nhuận sản phẩm chủ lực của Công ty là Urê Phú Mỹ gây khó khăn rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty. Trước những khó khăn trong năm 2018 với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của cổ đông lớn DPM, sự phối hợp và hỗ trợ của khách hàng, đối tác, sự ủng hộ của Cổ đông cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT, BGĐ cũng như CBNV của PSW, PSW đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2018.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ thực hiện 2018/KH năm 2018
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	295.000	299.089	101,39
2	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	2.207,88	2.296,66	104,02
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	13,2	13,76	104,22
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6	6	100,00

II. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2018.

1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT đã được ĐHĐCĐ bầu lại nhiệm kỳ 2016 – 2021 gồm 5 thành viên, trong đó 01 thành viên HĐQT chuyên trách và 4 thành viên HĐQT kiêm nhiệm cụ thể sau:

1. Ông Phạm Quý Hiến - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Trịnh Văn Khiêm - Ủy Viên HĐQT - Giám đốc Cty.
3. Ông Lê Thanh Tùng - Ủy Viên HĐQT - P.Giám đốc Cty.
4. Ông Trần Tuấn Kiệt - Ủy Viên HĐQT - Phó Ban TC-KT PVFCCo.
5. Ông Nguyễn Công Bằng - Ủy Viên HĐQT - P.Giám đốc Cty.

Hoạt động của HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc PSW triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2018, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể sau:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc (BGĐ) về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Theo dõi và giám sát quá trình điều hành kinh doanh, thông qua hoạt động quản trị, giám sát trực tiếp và các báo cáo, văn bản của BGĐ gửi báo cáo HĐQT.

- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với BGĐ trong những đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành kinh doanh.

HĐQT quản lý PSW đã thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ của HĐQT đã được quy định trong luật doanh nghiệp và trong Điều lệ PSW đã được ĐHCĐ thông qua.

3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị công ty của các thành viên hội đồng quản trị.

Các thành viên HĐQT công ty đã tham gia khóa học về quản trị Công ty. Ngoài ra, Người công bố thông tin, Chủ tịch HĐQT đã tham gia các hội thảo chuyên đề về cập nhật Luật, thông tư, Quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

4. Các giao dịch, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên HĐQT trong năm 2018.

- PSW áp dụng chế độ lương cho thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của PSW, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của PSW.
- Đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.
- Tiền thưởng và phúc lợi: Các thành viên HĐQT và giao dịch khác.

a. Lương, thưởng, thù lao thành viên HĐQT năm 2018

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT- PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
1	Phạm Quý Hiên	CT. HĐQT	879.544.616	37.256.617	106.558.347	1.023.359.580
2	Trịnh Văn Khiêm	UV HĐQT kiêm GD	885.817.438	38.341.617	115.798.347	1.039.957.402
3	Lê Thanh Tùng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	740.941.389	28.503.970	109.038.347	878.483.706
4	Nguyễn Công Bằng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	699.191.375	27.523.970	30.798.347	757.513.692
5	Trần Tuấn Kiệt	UV HĐQT	48.000.000	3.728.083		51.728.083
6	Phạm Văn Quý	UV HĐQT		3.363.386		3.363.386
	Tổng					3.754.405.849

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không).
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Cổ đông DPM hợp đồng mua bán phân bón và dịch vụ quảng cáo, tư vấn kỹ thuật.

(Bảng kê chi tiết các giao dịch với cổ đông nội bộ đính kèm phụ lục 1).

5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị doanh nghiệp của pháp luật.

III. Tổng kết các phiên họp và các nghị quyết của HĐQT năm 2018

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT, 15 lần lấy ý kiến HĐQT. HĐQT đã đề ra nhiều giải pháp nhằm định hướng, hỗ trợ cho BGĐ PSW trong hoạt động kinh doanh, cũng như các hoạt động quản trị khác của PSW. HĐQT chỉ đạo, xem xét, giám sát thông qua thực tế và các báo cáo hoạt động kinh doanh theo tháng/quý

trong năm 2018 của BGĐ, đồng thời hỗ trợ trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, Cụ thể như sau:

- Ban hành kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018.
- Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2018.
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền ĐHĐCĐ.
- Nghị quyết phê duyệt điều chỉnh hệ thống thang lương, bảng lương. Sửa đổi, Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của PSW. Công ty đã cho xây dựng và ban hành “Chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả công việc (KPI)”, Quy định này được áp dụng từ quý 4/2018.
- Ban hành, cập nhật, sửa đổi các quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Ban hành lại Chính sách nhân viên của PSW.
- Nghị quyết thông qua định mức đầu tư tiền gửi tại các TCTD và phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2018 của PSW.
- Phê duyệt tái cấu trúc bộ máy tổ chức PSW và công tác cán bộ.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2019.
- Và thực thi các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT.

IV. **Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong BGĐ.**

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Giám đốc phụ trách theo mảng để triển khai thực hiện.
- BGĐ đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2018.
- BGĐ đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động điều hành kinh doanh.
- BGĐ đã chỉ đạo các Phòng chức năng trực thuộc rà soát, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định để ban hành phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh.
- BGĐ đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.

V. **Kế hoạch và định hướng của HĐQT trong năm 2019.**

Bối cảnh giá dầu thế giới diễn biến phức tạp, giá phân bón thế giới và trong nước có chiều hướng biến động giảm, thị trường phân bón tại khu vực ĐBSCL cạnh tranh khốc liệt. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng thiên tai, hạn hán, giá nông sản với nhiều thách thức trong sản xuất và tiêu thụ nông sản. Tất cả những yếu tố trên sẽ là những khó khăn, thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp kinh doanh phân bón trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Nhận định những khó khăn thách thức đó, HĐQT cùng BGĐ PSW sẽ nỗ lực trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ năm 2019 giao:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	305.000
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.357,57
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,06
4	Chi trả cổ tức	%	6

- Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:
- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2019 do ĐHĐCĐ thông qua.

- Giám sát các hoạt động của BGĐ và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của PSW đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững. Bảo vệ và phát triển uy tín, hình ảnh và thương hiệu các sản phẩm của PSW cung cấp tới khách hàng và nông dân.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển PSW đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 và tổ chức sơ kết, đánh giá 1 năm/lần.
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, chỉnh sửa các quy chế, quy định, quy trình đang áp dụng tại PSW cho phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế. Chú trọng trong việc hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy PSW và nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn vững vàng và phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa kết quả hoạt động PSW.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.
- Quan tâm và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.

Trên đây là báo cáo về công tác quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 của HĐQT PSW. HĐQT cam kết sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông, đem lại lợi ích cao nhất cho PSW.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Quý Hiên

Phần 4- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS).
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2018 của PSW đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

BKS trân trọng báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình hoạt động năm 2018 của PSW và công tác thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và Ban Giám đốc (BGĐ) trong năm 2018.

I. Hoạt động của BKS năm 2018

1. Trong năm 2018, BKS đã thực hiện:

- Giám sát việc tuân thủ theo quy định của Điều lệ PSW đối với hoạt động của HĐQT và BGĐ. Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018. Giám sát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế của PSW.
- Kiểm tra tính hợp lý trong tổ chức công tác lập báo cáo tài chính.
- Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập trước khi HĐQT chấp thuận.
- Trong năm 2018, BKS đã họp 2 lần với các nội dung:

■ Thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính 2017 của Công ty.

■ Đánh giá kết quả hoạt động của Công ty 6 tháng đầu năm 2018.

2. Thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS

Stt	Họ tên	Chức danh	Thù lao	Tiền thưởng quyết toán quỹ thưởng BĐH năm 2018 và thu nhập khác	Tổng cộng
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS	42.000.000	5.909.558	47.909.558
2	Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	30.000.000	3.545.735	33.545.735
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	30.000.000	3.545.735	33.545.735
	Tổng				115.001.028

II. Tình hình tài chính và hoạt động của PSW năm 2018

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		257.042.735.701	317.300.449.457
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.169.402.501	106.783.648.089
1. Tiền	111		4.169.402.501	13.283.648.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	93.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	50.000.000.000	20.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.592.166.108	63.721.341.592
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	79.389.437.057	60.645.396.598
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.882.950.000	2.748.075.550
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
dùng				
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.319.779.051	327.869.444
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	118.091.259.167	124.895.786.424
1. Hàng tồn kho	141		119.058.385.831	124.895.786.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(967.126.664)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.907.925	1.899.673.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	189.907.925	1.545.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	354.673.352
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		23.969.820.045	27.503.925.124
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.982.760.988	26.934.697.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	6.763.461.752	10.888.267.868
- Nguyên giá	222		35.778.126.867	35.962.798.243
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(29.014.665.115)	(25.074.530.375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	15.219.299.236	16.046.429.871
- Nguyên giá	228		15.361.945.425	16.114.370.125
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(142.646.189)	(67.940.254)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.388.053.974	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.388.053.974	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		599.005.083	569.227.385
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	599.005.083	569.227.385
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		281.012.555.746	344.804.374.581
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		77.763.043.398	133.304.169.024
I. Nợ ngắn hạn	310		77.763.043.398	133.304.169.024
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	57.203.989.156	41.820.518.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.268.856.675	79.645.520.301
3. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313	V.10	1.401.278.448	242.564.921
4. Phải trả cho người lao động	314		6.396.639.768	5.596.266.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	424.978.523	1.105.931.512
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	254.400.000	1.668.240.200
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2018	01/01/2018
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.812.900.828	3.225.127.289
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		203.249.512.348	211.500.205.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	203.249.512.348	211.500.205.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.320.526.655	22.571.219.864
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		5.571.219.864	14.620.180.618
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		8.749.306.791	7.951.039.246
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		281.012.555.746	344.804.374.581

Bảng 2: Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	2.304.809.158.493	2.058.858.152.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		17.335.397.278	21.390.534.035
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	2.287.473.761.215	2.037.467.618.837
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.232.166.655.522	1.978.371.560.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55.307.105.693	59.096.058.601
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.724.284.113	5.014.212.068
7. Chi phí tài chính	22		-	37.261.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	37.246.576
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	29.499.845.994	32.832.738.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.240.218.744	22.489.362.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.291.325.068	8.750.907.974
11. Thu nhập khác	31		4.465.655.184	3.711.775.583
12. Chi phí khác	32		36	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	4.465.655.148	3.711.775.583

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.756.980.216	12.462.683.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.766.541.944	2.509.770.348
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.990.438.272	9.952.913.209
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		515	468
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		515	468

PSW đã thực hiện các báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo quy định trên website PSW.

III. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT

Năm 2018, HĐQT họp 5 lần và lấy ý kiến thành viên HĐQT 15 lần để chỉ đạo, xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động kinh doanh theo tháng/quý trong năm 2018 của BGD trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT.

Ngày 5/3/2018 Công ty đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2017 là 10%/mệnh giá cổ phần.

IV. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của BGD

Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, PSW đã hoàn thành kế hoạch của ĐHĐCĐ/HĐQT giao.

BGD có thực hiện phân công cho các thành viên trong BGD, trao đổi công việc để tìm giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh của PSW. Việc quản lý, điều hành mang lại lợi nhuận cho PSW và lợi ích cho cổ đông.

V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2019

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.
- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế/quy định của PSW trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định/chỉ đạo của ĐHĐCĐ/HĐQT tại PSW
- Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 đã được HĐQT giao và ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng/năm.
- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý đã được HĐQT giao.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

VI. Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2019

Xét năng lực, uy tín và để phù hợp trong việc hợp nhất báo cáo tài chính toàn ngành và DPM. BKS PSW kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019: (1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, (2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và (3) Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Mai Hồng Khánh

Phần 5 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Kiệt	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2019, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2019
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0929-2019-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		257.042.735.701	317.300.449.457
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.169.402.501	106.783.648.089
1. Tiền	111		4.169.402.501	13.283.648.089
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	93.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	50.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.592.166.108	63.721.341.592
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	79.389.437.057	60.645.396.598
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.882.950.000	2.748.075.550
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.319.779.051	327.869.444
IV. Hàng tồn kho	140	9	118.091.259.167	124.895.786.424
1. Hàng tồn kho	141		119.058.385.831	124.895.786.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(967.126.664)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		189.907.925	1.899.673.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189.907.925	1.545.000.000
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	354.673.352
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.969.820.045	27.503.925.124
I. Tài sản cố định	220		21.982.760.988	26.934.697.739
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.763.461.752	10.888.267.868
- Nguyên giá	222		35.778.126.867	35.962.798.243
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.014.665.115)	(25.074.530.375)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	15.219.299.236	16.046.429.871
- Nguyên giá	228		15.361.945.425	16.114.370.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(142.646.189)	(67.940.254)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.388.053.974	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.388.053.974	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		599.005.083	569.227.385
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		599.005.083	569.227.385
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		281.012.555.746	344.804.374.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.763.043.398	133.304.169.024
I. Nợ ngắn hạn	310		77.763.043.398	133.304.169.024
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	57.203.989.156	41.820.518.429
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	8.268.856.675	79.645.520.301
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.401.278.448	242.564.921
4. Phải trả người lao động	314		6.396.639.768	5.596.266.372
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		424.978.523	1.105.931.512
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	254.400.000	1.668.240.200
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.812.900.828	3.225.127.289
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.249.512.348	211.500.205.557
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	203.249.512.348	211.500.205.557
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.320.526.655	22.571.219.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.571.219.864	14.620.180.618
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.749.306.791	7.951.039.246
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		281.012.555.746	344.804.374.581

Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.304.809.158.493	2.058.858.152.872
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	17.335.397.278	21.390.534.035
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.287.473.761.215	2.037.467.618.837
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.232.166.655.522	1.978.371.560.236
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		55.307.105.693	59.096.058.601
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.724.284.113	5.014.212.068
7. Chi phí tài chính	22		-	37.261.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	37.246.576
8. Chi phí bán hàng	25	23	29.499.845.994	32.832.738.300
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	21.240.218.744	22.489.362.819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.291.325.068	8.750.907.974
11. Thu nhập khác	31	22	4.465.655.184	3.711.775.583
12. Chi phí khác	32		36	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.465.655.148	3.711.775.583
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.756.980.216	12.462.683.557
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	2.766.541.944	2.509.770.348
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.990.438.272	9.952.913.209
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	515	468

Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.756.980.216	12.462.683.557
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.231.240.675	5.062.364.813
Các khoản dự phòng	03	967.126.664	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(142.500)	15.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.304.598.915)	(5.460.249.091)
Chi phí lãi vay	06	-	37.246.576
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.650.606.140	12.102.060.855
Thay đổi các khoản phải thu	09	(20.103.004.919)	(41.819.920.639)
Thay đổi hàng tồn kho	10	5.837.400.593	(117.908.853.891)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(57.106.990.087)	88.921.898.969
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.325.314.377	(1.193.490.771)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(37.246.576)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.508.853.904)	(3.154.212.100)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.653.357.942)	(3.430.954.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(59.558.885.742)	(66.520.718.515)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.285.226.364)	(177.870.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.481.882.002	10.540.063.273
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.956.322.016	5.512.831.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(25.847.022.346)	(4.124.975.214)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	50.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(50.000.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.208.480.000)	(9.849.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.208.480.000)	(9.849.520.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(102.614.388.088)	(80.495.213.729)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	106.783.648.089	187.278.876.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	142.500	(15.000)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.169.402.501	106.783.648.089

Lê Thị Diễm Chi
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2019

Phần 6 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ PSW đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ vào quy chế quản lý tài chính PSW đã được HĐQT ban hành,

Để có cơ sở trích lập các quỹ cho hoạt động của PSW và trả cổ tức cho các cổ đông PSW kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 (Đính kèm phụ lục A).
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 (Đính kèm phụ lục B)

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua các phương án phân phối lợi nhuận trên.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Quý Hiên

PHỤ LỤC A
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

Đơn vị : đồng

Stt	Chỉ tiêu	Cách tính	Số tiền
I	Lợi nhuận trước thuế năm 2018		13.756.980.216
II	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (1)		10.990.438.272
	Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch (2)		10.560.000.000
	Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch (3)	(1) - (2)	430.438.272
III	Trích lập các quỹ trong năm 2018 như sau (4)		2.241.131.481
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST) (5)	(1) x 20%	2.198.087.654
	a) Quỹ khen thưởng (6)	(5) x 70%	1.538.661.358
	b) Quỹ phúc lợi (7)	(5) x 30%	659.426.296
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bổ sung 10% LNST vượt KH (8)	(3) x 10%	43.043.827
	a) Quỹ khen thưởng (9)	(8) x 70%	30.130.679
	b) Quỹ phúc lợi (10)	(8) x 30%	12.913.148
IV	Lợi nhuận còn lại sau phân phối các Quỹ (11)	(1) - (4)	8.749.306.791
V	Lợi nhuận các năm trước chuyển sang (12)		5.571.219.864
VI	Số cổ phần (13)		17.000.000
VII	Tỷ lệ chia cổ tức năm 2018 (6%) (14)	(13)x10.000x6%	10.200.000.000
VIII	Lợi nhuận chuyển sang năm sau (15)	(11)+(12)-(14)	4.120.526.655

22461-C
CÔNG TY
HÀNG
HÓA
KHÍ
BỘ
CÁN T

PHỤ LỤC B
KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
I.	Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2019	11.248.000.000
II.	Kế hoạch trích lập các quỹ	2.249.600.000
	Trong đó:	
a.	Quỹ khen thưởng CBCNV và các đối tượng khác (70%)	1.574.720.000
b.	Quỹ phúc lợi Công ty (30%)	674.880.000
III.	Lợi nhuận năm trước chuyển sang	4.120.526.655
IV.	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019	13.118.926.655
V.	Tỷ lệ chia cổ tức (6%)	10.200.000.000
VI.	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	2.918.926.655
* Lưu ý : Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Công ty được trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10% trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.		

**Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THỪ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT NĂM
2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019**

I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2018.

Dự toán Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BGD, BKS năm 2018 được ĐHCĐ thông qua: 4.378.199.000 đồng.

Báo cáo kết quả thực hiện năm 2018 như sau:

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT- PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
I. Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc						
1	Phạm Quý Hiền	CT. HĐQT	879.544.616	37.256.617	106.558.347	1.023.359.580
2	Trịnh Văn Khiêm	UV HĐQT kiêm GĐ	885.817.438	38.341.617	115.798.347	1.039.957.402
3	Lê Thanh Tùng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	740.941.389	28.503.970	109.038.347	878.483.706
4	Nguyễn Công Bằng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	699.191.375	27.523.970	30.798.347	757.513.692
5	Trần Tuấn Kiệt	UV HĐQT	48.000.000	3.728.083		51.728.083
6	Phạm Văn Quý	UV HĐQT		3.363.386		3.363.386
II. Ban kiểm soát						
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS	42.000.000	5.909.558		47.909.558
2	Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	30.000.000	3.545.735		33.545.735
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	30.000.000	3.545.735		33.545.735
TỔNG CỘNG						3.869.406.877

II. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019.

Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2018, PSW dự kiến xây dựng kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BGD, BKS, năm 2019 là:

- Kế hoạch: 3.689.000.000 đồng
- Dự phòng: 539.000.000 đồng
- Tổng cộng: 4.228.000.000 đồng

(Ghi chú: Dự phòng vượt lợi nhuận kế hoạch được giao cho phép Công ty được trích lương tối đa 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Quý Hiền

**Phần 8 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO
HĐQT PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY
ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí
Tây Nam Bộ

Căn cứ Điều lệ PSW đã được ĐHĐCĐ thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 11/05/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của ĐHĐCĐ của DPM về việc thông qua Chiến lược phát triển của DPM đến năm 2025, định hướng phát triển đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm 2016 -2020;

Căn cứ Nghị quyết số 376/NQ-PBHC ngày 26/10/2011 của HĐQT DPM về việc thông qua Chiến lược phát triển của PSW đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2018 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018

Nhằm chủ động, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của PSW về chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng phát triển đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm gần nhất, đáp ứng hoạt động kinh doanh trong tình hình mới, đảm bảo sự phát triển PSW bền vững, quyền lợi và lợi ích của Cổ đông. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và ủy quyền cho HĐQT tiếp tục rà soát, cập nhật để hoàn thiện và phê duyệt chiến lược Công ty.

1. Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;
2. Các chiến lược chức năng;
3. Các kế hoạch phát triển chức năng trung và dài hạn.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
Phạm Quý Hiền